

DỊCH VỤ THỦ TỤC CÔNG BỐ SẢN PHẨM THỰC PHẨM – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN BIẾT TẠI EVEREST LOGISTICS

Theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, tất cả các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có đăng ký kinh doanh tại Việt nam hoặc là đại diện công ty nước ngoài đưa thực phẩm lưu thông trên thị trường Việt Nam đều bắt buộc phải công bố tiêu chuẩn chất lượng trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ. Các doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu thực phẩm chưa được công bố tiêu chuẩn chất lượng sẽ bị phạt 40-50 triệu (đối với cá nhân) và 80 -100 triệu (đối với tổ chức) theo khoản 4- Điều 20

MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ CÔNG BỐ SẢN PHẨM THỰC PHẨM, BẠN CẦN CÓ:

Công bố sản phẩm thực phẩm là gì?

Khái niệm:

Công bố chất lượng sản phẩm là việc các doanh nghiệp cần phải làm trước khi đưa sản phẩm nhập khẩu hoặc sản phẩm sản xuất trong nước lưu hành tự do trên thị trường Việt Nam. Nói cách khác, công bố chất lượng sản phẩm chính là việc các doanh nghiệp cần phải làm để có trong tay giấy phép lưu hành sản phẩm.



Theo Nghị định số [15/2018/NĐ-CP](#), tất cả các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có đăng ký kinh doanh tại Việt nam hoặc là đại diện công ty nước ngoài đưa thực phẩm lưu thông trên thị trường Việt Nam đều bắt buộc phải công bố tiêu chuẩn

chất lượng trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ. Các doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu thực phẩm chưa được công bố tiêu chuẩn chất lượng sẽ bị nộp phạt và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật ban hành.



Vì sao phải công bố sản phẩm thực phẩm?

Việc công bố chất lượng thực phẩm không những có tác dụng giúp cơ quan chức năng dễ dàng quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng mà còn đem lại rất nhiều lợi ích cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như:

- Gây dựng uy tín, thương hiệu
- Tạo lợi thế cạnh tranh
- Góp phần đẩy cao hiệu quả kinh doanh

Khi nào cần đăng ký công bố chất lượng thực phẩm?

Theo Nghị định số [15/2018/NĐ-CP](#) của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của luật An toàn thực phẩm, những sản phẩm thực phẩm cần được đăng ký công bố và chờ cơ quan chức năng cấp số trước khi đưa ra tiêu thụ trên thị trường bao gồm:

Thực phẩm bảo vệ sức khỏe

Thực phẩm dinh dưỡng, dùng cho chế độ ăn đặc biệt, dùng riêng cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi

Các loại phụ gia thực phẩm có công thức mới, không đúng đối tượng sử dụng theo quy định của Bộ y tế hoặc không có trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm.

Các loại thực phẩm còn lại không nêu ở trên thì làm hồ sơ tự công bố, chúng tôi sẽ hướng dẫn riêng về hồ sơ tự công bố thực phẩm.

Hướng dẫn công bố sản phẩm

Trường hợp 1: Tự công bố sản phẩm

a, Đối tượng áp dụng

Căn cứ theo quy định tại [Điều 4 Nghị định 15/2018/NĐ-CP](#), thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm sẽ phải thực hiện thủ tục tự công bố thực phẩm đối với:

- Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn;
- Phụ gia thực phẩm;
- Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;
- Dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Lưu ý: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm được miễn thực hiện thủ tục tự công bố sản phẩm nếu sản phẩm, nguyên liệu sản xuất, nhập khẩu chỉ dùng để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu hoặc phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân không tiêu thụ tại thị trường trong nước.

b, Hồ sơ tự công bố sản phẩm bao gồm:

- Bản tự công bố sản phẩm theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo [Nghị định 15/2018/NĐ-CP](#);
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

c, Trình tự công bố sản phẩm

Căn cứ Khoản 2 Điều 5 Nghị định [15/2018/NĐ-CP](#) và Khoản 1 Điều 3 Nghị định [155/2018/NĐ-CP](#) thì việc tự công bố sản phẩm được thực hiện theo trình tự sau:

- Tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử của mình hoặc niêm yết công khai tại trụ sở của tổ chức, cá nhân và công bố trên Hệ thống thông tin dữ liệu cập nhật về an toàn thực phẩm;
- Nếu chưa có Hệ thống thông tin dữ liệu cập nhật về an toàn thực phẩm thì tổ chức, cá nhân nộp 01 bản qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ định để lưu trữ hồ sơ và đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận;

– Ngay sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn của sản phẩm đó.

Lưu ý:

– Trường hợp tổ chức, cá nhân có từ 02 cơ sở sản xuất trở lên cùng sản xuất một sản phẩm thì tổ chức, cá nhân chỉ nộp hồ sơ tại một cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương có cơ sở sản xuất do tổ chức, cá nhân lựa chọn;

– Khi đã lựa chọn cơ quan quản lý nhà nước để nộp hồ sơ thì các lần tự công bố tiếp theo phải nộp hồ sơ tại cơ quan đã lựa chọn trước đó;

– Các tài liệu trong hồ sơ tự công bố phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm tự công bố;

– Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo thì tổ chức, cá nhân phải tự công bố lại sản phẩm. Các trường hợp có sự thay đổi khác, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo.

Trường hợp 2: Đăng ký bản công bố sản phẩm

a. Đối tượng áp dụng

Căn cứ theo quy định tại Điều 6 Nghị định [15/2018/NĐ-CP](#), thì tổ chức, cá nhân sẽ phải thực hiện thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm đối với:

– Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt;

– Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi;

– Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định.

ĐĂNG KÝ NGAY

b. Hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm

Đối với sản phẩm nhập khẩu, hồ sơ bao gồm:

– *Bản công bố sản phẩm* theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định [15/2018/NĐ-CP](#);

– *Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận y tế (Health Certificate)* của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/xuất khẩu cấp có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng hoặc được bán tự do tại thị trường của nước sản xuất/xuất khẩu (hợp pháp hóa lãnh sự);

– *Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm* của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

– *Bằng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố* (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân);

– *Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc chứng nhận tương đương trong trường hợp sản phẩm nhập khẩu là thực phẩm bảo vệ sức khỏe áp dụng từ ngày 01/7/2019* (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân).

Đối với sản phẩm sản xuất trong nước, hồ sơ bao gồm:

– *Bản công bố sản phẩm* theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định [15/2018/NĐ-CP](#);

– *Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm* của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

– *Bằng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố* (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân);

– Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân);

– Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) trong trường hợp sản phẩm sản xuất trong nước là thực phẩm bảo vệ sức khỏe áp dụng từ ngày 01/7/2019 (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân).

Lưu ý: Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm.

c. Trình tự đăng ký bản công bố sản phẩm

Căn cứ Điều 8 [Nghị định 15/2018/NĐ-CP](#) thì việc đăng ký bản công bố sản phẩm được thực hiện theo trình tự sau:

– Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến cơ quan tiếp nhận;

– Trong thời hạn: 21 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe và 07 ngày làm việc đối với các trường hợp khác, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm;

– Trường hợp không đồng ý với hồ sơ công bố sản phẩm của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 01 lần;

– Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm có trách nhiệm thông báo công khai tên, sản phẩm của tổ chức, cá nhân đã được tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trên trang thông tin điện tử (website) của mình và cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm;

– Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm có trách nhiệm nộp phí thẩm định hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Lưu ý:

– Cơ quan tiếp nhận:

+ Nộp đến Bộ Y tế đối với: thực phẩm bảo vệ sức khỏe, phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm chưa có trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định;

+ Nộp đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định đối với: thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

– Nếu tổ chức, cá nhân sản xuất nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm của cả Bộ Y tế và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn nộp hồ sơ đến 1 trong 2 cơ quan tiếp nhận đó;

– Nếu tổ chức, cá nhân có từ 02 (hai) cơ sở sản xuất trở lên cùng sản xuất một sản phẩm thì chỉ làm thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm tại một cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương có cơ sở sản xuất do tổ chức, cá nhân lựa chọn (trừ những sản phẩm đăng ký tại Bộ Y tế). Khi đã lựa chọn cơ quan quản lý nhà nước để đăng ký thì các lần đăng ký tiếp theo phải đăng ký tại cơ quan đã lựa chọn;

– Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo thì tổ chức, cá nhân phải công bố lại sản phẩm. Các trường hợp có sự thay đổi khác, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ nêu trên và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo.

Cơ sở pháp lý:

– Nghị định [15/2018/NĐ-CP](#)



CẦN CHUẨN BỊ NHỮNG GÌ KHI ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG THỰC PHẨM – TẠI EVERLOG?

Để công bố an toàn thực phẩm thành công, các tổ chức, cá nhân cần có sự chuẩn bị thật chu đáo, cẩn thận. Những việc cần làm trước khi thực hiện công bố như sau:

1. Kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm

Kiểm nghiệm sản phẩm là việc các tổ chức, cá nhân đem mẫu sản phẩm cần công bố đến các phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước để phân tích, kiểm tra về chất lượng sản phẩm. Việc kiểm nghiệm sản phẩm giúp kiểm tra được chính xác các chất có trong sản phẩm và tỷ lệ của chúng, trong đó có chứa các chất cấm hay không, một số chất đặc biệt có vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy định của Bộ y tế hay không.

Sau khi đưa sản phẩm đi kiểm nghiệm, phòng kiểm nghiệm sẽ trả lại giấy phân tích chi tiết để quý khách gửi lên có quan nhà nước có thẩm quyền công bố an toàn thực phẩm cùng với bộ hồ sơ công bố.

Nhưng cần lưu ý, phiếu kiểm nghiệm này chỉ có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày kiểm nghiệm đến thời điểm nộp hồ sơ công bố, nếu quá 12 tháng thì cần thực hiện kiểm nghiệm lại.

Để tránh việc doanh nghiệp, tổ chức kiểm nghiệm thiếu chỉ tiêu hoặc sai chỉ tiêu so với tiêu chuẩn, quy chuẩn của sản phẩm và bị phạt từ 20-30 triệu đồng/1 sản phẩm (đối với cá nhân) và 40-60 triệu/1 sản phẩm đối với tổ chức (Theo khoản K2- Điều 20 và K2- Điều 3 của ND 115/2018/ND-CP) thì Khách Hàng nên liên hệ với Everlog.vn (Hotline: 0919108538 – Mail: ryan@everlog.vn) để được hỗ trợ dịch vụ kiểm nghiệm (chỉ thanh toán tiền cho phòng kiểm nghiệm, không mất phí dịch vụ chuyển mẫu kiểm nghiệm)



2. Chuẩn bị hồ sơ đăng ký công bố chất lượng thực phẩm

Theo nghị định 15/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm và một số văn bản pháp luật có liên quan khác, thành phần hồ sơ để gửi lên cơ quan nhà nước xin cấp giấy xác nhận công bố an toàn thực phẩm bao gồm:

Bản công bố thực phẩm (theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP) – Everlog.vn soạn thảo cho khách hàng

Giấy chứng nhận an toàn sức khỏe (Health Certificate) hoặc Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Freesale)- Áp dụng riêng cho thực phẩm nhập khẩu

Tài liệu khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm được Bộ y tế chấp thuận (Everlog.vn chuẩn bị cho khách hàng nếu khách hàng đồng ý với công dụng của sản phẩm do Everlog.vn đưa ra, nếu khách hàng không đồng ý với công dụng do Everlog.vn tìm được từ tài liệu chứng minh thì khách hàng cung cấp thêm tài liệu chứng minh phù hợp nếu muốn xin công dụng khác.

Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất GMP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phiếu kết quả kiểm định

Bản dịch các tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (Everlog.vn hỗ trợ dịch thuật tài liệu nước ngoài cho Khách Hàng đối với hồ sơ nhập khẩu)

XEM THÊM: Các dịch vụ công bố khác tại Everlog.vn